TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh Phóc

Bản án số: 14 /2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 26 -5 -2023.
V/v: "Kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Vinh và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST- HNGĐ ,ngày 06 tháng 3 năm 2023, về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1991.
Trú tại: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.
-Bị đơn: Anh Hoàng Trọng T, sinh năm 1984
Trú tại: Thôn 2 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015, quyển số 02, ngày 10/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị Tvà anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Q vào ngày 10 tháng 02 năm 2015; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, cuộc sống hôn nhân không thể hòa hợp được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T. Hai vợ chồng có một con chung là Hoàng Phan Thảo T, sinh ngày 26/9/2015, chị T trình bày muốn được nuôi con, không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Trọng T trình bày: Chị T và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Q vào ngày 10 tháng 02 năm 2015. Hai vợ, chồng vẫn còn tình cảm nên anh T mong muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc con, không nhất trí ly hôn. Nếu ly hôn anh T xin được nuôi con là Hoàng Phan Thảo T, sinh ngày 26/9/2015, không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hoàng Phan Thảo T xin được ở với mẹ (chị T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Phan Thị T và anh Hoàng Trọng T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự tất cả các văn bản tố tụng; anh T đã tham gia hòa giải và đã có Bản tự khai có trong hồ sơ vụ án; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa; tại phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]Về quan hệ hôn nhân:Chị T và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Q vào ngày 10/02/2015; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được; hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Hoàng Trọng T là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai anh, chị có một con chung là là Hoàng Phan Thảo T, sinh ngày 26/9/2015; chị T trình bày muốn được nuôi con, không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con, chị T cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con; anh T vắng mặt tại phiên tòa, trong bản tự khai và Biên bản hòa giải anh T muốn đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, nhưng nếu ly hôn anh T xin được nuôi con,

không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con; nghĩ cần giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, đề nghị của chị T. Sau này anh T hoặc chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị T chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Phan Thị T được ly hôn anh Hoàng Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Phan Thảo T, sinh ngày 26/9/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Sau này chị T hoặc anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và phí tổn nuôi con.

Cấm chị T ngăn cản anh T quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3.Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai số 0002704 ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
-Chị Phan Thị T;
-Anh Hoàng Trọng T;
-Ban Tư pháp xã M(Để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân